

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu Lông 2 – Nhóm 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2121120545	Vương Thị Ngọc Ánh	27/01/2003	CCQ2112P	9	5	9	8.3	
2	2121260103	Trần Thị Tuyết Chinh	20/12/2003	CCQ2126C	5	5	5	5.0	
3	2121270091	Võ Trọng Duy	01/10/2003	CCQ2127C	10	5	5	5.8	
4	2121270057	Nguyễn Thị Hồng Duyên	22/04/2000	CCQ2127B	9	5	5	5.7	
5	2121120289	Trần Thị Ngọc Giàu	26/06/2003	CCQ2112I	10	5	5	5.8	
6	2121260105	Phạm Thị Cẩm Hà	03/01/2003	CCQ2126C	8	5	5	5.5	
7	2121270106	Huỳnh Ngọc Hân	02/12/2003	CCQ2127D	6	5	5	5.2	
8	2121120170	Bùi Mai Hiền	26/11/2003	CCQ2112E	8	5	6	6.2	
9	2120240038	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	27/12/1998	CCQ2024B	8	7	7	7.2	
10	2121270108	Đoàn Lý Dạ Hoa	12/09/2003	CCQ2127D	8	5	5	5.5	
11	2121260072	Nguyễn Chính Hưng	24/04/2000	CCQ2126C	10	10	5	6.7	
12	2121060005	Bùi Thanh Khoa	22/01/2003	CCQ2106A	10	10	10	10.0	
13	2121060020	Trần Đức Khoa	28/02/1998	CCQ2106A	10	8	6	7.0	
14	2121120623	Lưu Nữ Ánh Khuyên	28/09/2000	CCQ2112R	8	5	5	5.5	
15	2121260081	Trần Tuấn Kiệt	25/02/2003	CCQ2126C	9	5	6	6.3	
16	2121270023	Nguyễn Thị Thanh Kiều	31/07/2003	CCQ2127A	9	7	7	7.3	
17	2121270072	Nguyễn Thị Thúy Kiều	20/08/2003	CCQ2127C	10	5	5	5.8	
18	2121120394	Võ Thị Mỹ Lệ	15/06/2003	CCQ2112L	8	8	5	6.0	
19	2121100026	Huỳnh Thị Mỹ Liên	25/04/2003	CCQ2110A	8	5	5	5.5	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
20	2121120525	Nguyễn Thị Thu	Linh	16/08/2003	CCQ2112O	10	5	5	5.8	
21	2121120548	Nguyễn Trần Thảo	Linh	13/12/2003	CCQ2112P	10	5	5	5.8	
22	2121120515	Lương Ngọc	Minh	27/07/2003	CCQ2112O	10	6	9	8.7	
23	2121120051	Nguyễn Thị Trà	My	02/07/2003	CCQ2112B	8	5	5	5.5	
24	2121120610	Bùi Thị Thiên	Nga	11/03/2003	CCQ2112R	5	6	5	5.2	
25	2121100040	Nguyễn Diệu	Ngân	21/01/2003	CCQ2110B	10	5	5	5.8	
26	2120210017	Lê Công	Nghĩa	25/07/2002	CCQ2021A	10	6	5	6.0	
27	2121120632	Hồ Thị Ngọc	Ngoan	12/02/2002	CCQ2112R	8	5	5	5.5	
28	2121270080	Lê Thị Ý	Nguyên	09/02/2003	CCQ2127C	5	5	5	5.0	
29	2121120511	Nguyễn Thị	Nguyệt	12/12/2003	CCQ2112O	10	6	7	7.3	
30	2121120521	Phan Thị Ánh	Nguyệt	15/07/2003	CCQ2112O	8	6	8	7.7	
31	2121120495	Trương Thị Hồng	Nhan	09/06/2003	CCQ2112O	10	6	6	6.7	
32	2120110382	Hoàng Minh	Nhật	01/01/1998	CCQ2011J	5	5	5	5.0	
33	2121120611	Nguyễn Thị Yên	Nhi	12/11/2003	CCQ2112R	8	7	5	5.8	
34	2121120522	Phạm Thị Thuý	Nhi	22/03/2003	CCQ2112O	10	5	5	5.8	
35	2121200073	Cù Thị Kim	Nhung	06/08/2003	CCQ2120C	10	7	5	6.2	
36	2121270074	Hoàng Thị	Nhung	21/10/2001	CCQ2127C	8	5	5	5.5	
37	2121270111	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	31/12/2003	CCQ2127D	10	5	5	5.8	
38	2121260077	Huỳnh	Như	02/02/2003	CCQ2126C	5	5	5	5.0	
39	2120190137	Nguyễn Quỳnh	Như	30/01/2002	CCQ2019D	5	5	5	5.0	
40	2121120310	Nguyễn Thị Yên	Phúc	17/05/2003	CCQ2112I	5	6	5	5.2	
41	2121260037	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	01/10/2003	CCQ2126B	9	7	7	7.3	
42	2121260115	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	15/05/2003	CCQ2126D	8	5	5	5.5	
43	2121260117	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	22/10/2003	CCQ2126D	10	5	5	5.8	
44	2121260095	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	23/03/2003	CCQ2126C	10	5	5	5.8	
45	2121120564	Phạm Thị Như	Quỳnh	24/02/2003	CCQ2112Q	5	7	5	5.3	
46	2121260015	Nguyễn Thị Thu	Sương	14/09/2003	CCQ2126A	10	7	5	6.2	
47	2121100069	Nguyễn Thanh	Tâm	14/09/2001	CCQ2110B	10	8	6	7.0	
48	2120210028	Phan Nhật	Thành	01/01/2002	CCQ2021A	10	7	5	6.2	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
49	2121270049	Nguyễn Thị Kim Thảo	29/05/2003	CCQ2127B	10	5	5	5.8	
50	2121120053	Nguyễn Châu Thiên	05/11/2003	CCQ2112B	7	8	8	7.8	
51	2121120592	Trần Thị Thanh Thủy	28/12/2003	CCQ2112Q	10	7	8	8.2	
52	2121260073	Lê Nữ Anh Thư	23/09/2001	CCQ2126C	5	5	5	5.0	
53	2121120508	Phan Thị Cẩm Tiên	20/11/2003	CCQ2112O	5	5	5	5.0	
54	2121270054	Nguyễn Chánh Tín	31/12/2003	CCQ2127B	10	9	5	6.5	
55	2120190142	Phan Thị Ngọc Trâm	17/03/2002	CCQ2019D	5	5	5	5.0	
56	2121260056	Lê Thị Nguyệt Trinh	20/10/2003	CCQ2126B	8	7	5	5.8	
57	2121260041	Đoàn Thị Thanh Tuyền	07/10/2003	CCQ2126B	5	5	5	5.0	
58	2121120499	Lê Băng Ty Ty	07/10/2003	CCQ2112O	10	7	9	8.8	
59	2121120283	Đào Thị Phương Uyên	17/07/2003	CCQ2112I	5	5	5	5.0	
60	2121260098	Vũ Thị Tố Uyên	14/05/2003	CCQ2126C	10	5	5	5.8	
61	2121120412	Bùi Đăng Thanh Vân	11/07/2003	CCQ2112L	9	5	5	5.7	
62	2121270097	Phan Thị Thúy Vân	12/02/2003	CCQ2127C	10	5	5	5.8	
63	2120190034	Nguyễn Thị Tường Vi	17/11/2002	CCQ2019A	6	6	5	5.3	
64	2121270087	Huỳnh Văn Vũ	25/04/2002	CCQ2127C	9	5	5	5.7	
65	2120120277	Lê Trần Hạ Vy	15/01/2002	CCQ2012H	5	5	5	5.0	
66	2120190149	Phan Thị Thúy Vy	17/11/2002	CCQ2019D	9	6	5	5.8	
67	2120120244	Hứa Mỹ Xuân	21/03/2002	CCQ2012G	5	5	5	5.0	
68	2121120556	Đặng Thị Như Ý	03/12/2003	CCQ2112P	10	5	5	5.8	
69	2121120631	Võ Nguyễn Ngọc Như Ý	19/09/2003	CCQ2112R	6	5	10	8.5	

TP. HCM, Ngày 04 tháng 11 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	---------	------	------	------	-------------------	---------

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu Lông 2 – Nhóm 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121120545	Vương Thị Ngọc Ánh	27/01/2003	CCQ2112P	8.3	6	6.9	
2	2121260103	Trần Thị Tuyết Chinh	20/12/2003	CCQ2126C	5.0	5	5.0	
3	2121270091	Võ Trọng Duy	01/10/2003	CCQ2127C	5.8	5	5.3	
4	2121270057	Nguyễn Thị Hồng Duyên	22/04/2000	CCQ2127B	5.7	5	5.3	
5	2121120289	Trần Thị Ngọc Giàu	26/06/2003	CCQ2112I	5.8	5	5.3	
6	2121260105	Phạm Thị Cẩm Hà	03/01/2003	CCQ2126C	5.5	5	5.2	
7	2121270106	Huỳnh Ngọc Hân	02/12/2003	CCQ2127D	5.2	6	5.7	
8	2121120170	Bùi Mai Hiền	26/11/2003	CCQ2112E	6.2	5	5.5	
9	2120240038	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	27/12/1998	CCQ2024B	7.2	7	7.1	
10	2121270108	Đoàn Lý Dạ Hoa	12/09/2003	CCQ2127D	5.5	5	5.2	
11	2121260072	Nguyễn Chính Hưng	24/04/2000	CCQ2126C	6.7	6	6.3	
12	2121060005	Bùi Thanh Khoa	22/01/2003	CCQ2106A	10.0	10	10.0	
13	2121060020	Trần Đức Khoa	28/02/1998	CCQ2106A	7.0	6	6.4	
14	2121120623	Lưu Nữ Ánh Khuyên	28/09/2000	CCQ2112R	5.5	5	5.2	
15	2121260081	Trần Tuấn Kiệt	25/02/2003	CCQ2126C	6.3	5	5.5	
16	2121270023	Nguyễn Thị Thanh Kiều	31/07/2003	CCQ2127A	7.3	6	6.5	
17	2121270072	Nguyễn Thị Thúy Kiều	20/08/2003	CCQ2127C	5.8	5	5.3	
18	2121120394	Võ Thị Mỹ Lệ	15/06/2003	CCQ2112L	6.0	10	8.4	
19	2121100026	Huỳnh Thị Mỹ Liên	25/04/2003	CCQ2110A	5.5	5	5.2	
20	2121120525	Nguyễn Thị Thu Linh	16/08/2003	CCQ2112O	5.8	6	5.9	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2121120548	Nguyễn Trần Thảo	Linh	13/12/2003	CCQ2112P	5.8	5	5.3	
22	2121120515	Lương Ngọc	Minh	27/07/2003	CCQ2112O	8.7	7	7.7	
23	2121120051	Nguyễn Thị Trà	My	02/07/2003	CCQ2112B	5.5	6	5.8	
24	2121120610	Bùi Thị Thiên	Nga	11/03/2003	CCQ2112R	5.2	8	6.9	
25	2121100040	Nguyễn Diệu	Ngân	21/01/2003	CCQ2110B	5.8	5	5.3	
26	2120210017	Lê Công	Nghĩa	25/07/2002	CCQ2021A	6.0	7	6.6	
27	2121120632	Hồ Thị Ngọc	Ngoan	12/02/2002	CCQ2112R	5.5	7	6.4	
28	2121270080	Lê Thị Ý	Nguyên	09/02/2003	CCQ2127C	5.0	5	5.0	
29	2121120511	Nguyễn Thị	Nguyệt	12/12/2003	CCQ2112O	7.3	5	5.9	
30	2121120521	Phan Thị Ánh	Nguyệt	15/07/2003	CCQ2112O	7.7	5	6.1	
31	2121120495	Trương Thị Hồng	Nhạn	09/06/2003	CCQ2112O	6.7	5	5.7	
32	2120110382	Hoàng Minh	Nhật	01/01/1998	CCQ2011J	5.0	5	5.0	
33	2121120611	Nguyễn Thị Yên	Nhi	12/11/2003	CCQ2112R	5.8	5	5.3	
34	2121120522	Phạm Thị Thuý	Nhi	22/03/2003	CCQ2112O	5.8	5	5.3	
35	2121200073	Cù Thị Kim	Nhung	06/08/2003	CCQ2120C	6.2	9	7.9	
36	2121270074	Hoàng Thị	Nhung	21/10/2001	CCQ2127C	5.5	5	5.2	
37	2121270111	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	31/12/2003	CCQ2127D	5.8	5	5.3	
38	2121260077	Huỳnh	Như	02/02/2003	CCQ2126C	5.0	0	2.0	Vắng thi
39	2120190137	Nguyễn Quỳnh	Như	30/01/2002	CCQ2019D	5.0	5	5.0	
40	2121120310	Nguyễn Thị Yên	Phúc	17/05/2003	CCQ2112I	5.2	5	5.1	
41	2121260037	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	01/10/2003	CCQ2126B	7.3	6	6.5	
42	2121260115	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	15/05/2003	CCQ2126D	5.5	5	5.2	
43	2121260117	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	22/10/2003	CCQ2126D	5.8	5	5.3	
44	2121260095	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	23/03/2003	CCQ2126C	5.8	5	5.3	
45	2121120564	Phạm Thị Như	Quỳnh	24/02/2003	CCQ2112Q	5.3	5	5.1	
46	2121260015	Nguyễn Thị Thu	Sương	14/09/2003	CCQ2126A	6.2	6	6.1	
47	2121100069	Nguyễn Thanh	Tâm	14/09/2001	CCQ2110B	7.0	8	7.6	
48	2120210028	Phan Nhật	Thành	01/01/2002	CCQ2021A	6.2	5	5.5	
49	2121270049	Nguyễn Thị Kim	Thảo	29/05/2003	CCQ2127B	5.8	8	7.1	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2121120053	Nguyễn Châu	Thiên	05/11/2003	CCQ2112B	7.8	7	7.3	
51	2121120592	Trần Thị Thanh	Thủy	28/12/2003	CCQ2112Q	8.2	5	6.3	
52	2121260073	Lê Nữ Anh	Thư	23/09/2001	CCQ2126C	5.0	5	5.0	
53	2121120508	Phan Thị Cẩm	Tiên	20/11/2003	CCQ2112O	5.0	5	5.0	
54	2121270054	Nguyễn Chánh	Tín	31/12/2003	CCQ2127B	6.5	7	6.8	
55	2120190142	Phan Thị Ngọc	Trâm	17/03/2002	CCQ2019D	5.0	6	5.6	
56	2121260056	Lê Thị Nguyệt	Trình	20/10/2003	CCQ2126B	5.8	5	5.3	
57	2121260041	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	07/10/2003	CCQ2126B	5.0	5	5.0	
58	2121120499	Lê Băng Ty	Ty	07/10/2003	CCQ2112O	8.8	8	8.3	
59	2121120283	Đào Thị Phương	Uyên	17/07/2003	CCQ2112I	5.0	5	5.0	
60	2121260098	Vũ Thị Tố	Uyên	14/05/2003	CCQ2126C	5.8	5	5.3	
61	2121120412	Bùi Đăng Thanh	Vân	11/07/2003	CCQ2112L	5.7	5	5.3	
62	2121270097	Phan Thị Thúy	Vân	12/02/2003	CCQ2127C	5.8	5	5.3	
63	2120190034	Nguyễn Thị Tường	Vi	17/11/2002	CCQ2019A	5.3	5	5.1	
64	2121270087	Huỳnh Văn	Vũ	25/04/2002	CCQ2127C	5.7	9	7.7	
65	2120120277	Lê Trần Hạ	Vy	15/01/2002	CCQ2012H	5.0	5	5.0	
66	2120190149	Phan Thị Thúy	Vy	17/11/2002	CCQ2019D	5.8	5	5.3	
67	2120120244	Hứa Mỹ	Xuân	21/03/2002	CCQ2012G	5.0	5	5.0	
68	2121120556	Đặng Thị Như	Ý	03/12/2003	CCQ2112P	5.8	6	5.9	
69	2121120631	Võ Nguyễn Ngọc Như	Ý	19/09/2003	CCQ2112R	8.5	8	8.2	

TP. HCM, Ngày 04 tháng 11 năm 2022

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	---------	-------------------	----------	------------------	---------